

BIỆN PHÁP ÁP GIẢI, DẪN GIẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015

NGUYỄN TRẦN THẢO VY*

Bài viết nêu vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp áp giải, dẫn giải như: Sự không thống nhất về nghĩa vụ của các đối tượng áp dụng; biện pháp áp giải đối với bị can, bị cáo, dẫn giải đối với bị hại, người làm chứng... Đối với mỗi vấn đề còn vướng mắc, tác giả kiến nghị giải pháp hoàn thiện.

Từ khóa: Áp giải; dẫn giải; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Nhận bài: 11/5/2021; biên tập xong: 02/6/2021; duyệt bài: 15/6/2021.

Quy định về biện pháp áp giải, dẫn giải theo Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 còn một số bất cập. Cụ thể như sau:

1. Quy định về nghĩa vụ của các đối tượng bị áp dụng biện pháp áp giải, dẫn giải không thống nhất

Theo BLTTHS năm 2015, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ có nghĩa vụ cụ thể như sau: “Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, kiến nghị khởi tố” (khoản 2 Điều 57); “Người bị giữ trong trường hợp

khẩn cấp, người bị bắt có nghĩa vụ chấp hành lệnh giữ người, lệnh bắt người và yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền giữ người, bắt người theo quy định của Bộ luật này” (khoản 2 Điều 58); “Người bị tạm giữ có nghĩa vụ chấp hành các quy định của Bộ luật này và Luật thi hành tạm giữ, tạm giam” (khoản 3 Điều 59). Các điều luật trên đều không quy định trường hợp nếu người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị áp giải, dẫn giải hay không?

* Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, các điều luật khác trong BLTTHS năm 2015 lại quy định nếu bị can, bị cáo, bị hại và người làm chứng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan, thì có thể bị áp giải, dẫn giải. Cụ thể: Bị can có nghĩa vụ “có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (THTT). Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị áp giải, nếu bỏ trốn thì bị truy nã” (điểm a khoản 3 Điều 60); bị cáo có nghĩa vụ “có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị áp giải; nếu bỏ trốn thì bị truy nã” (điểm a khoản 3 Điều 61); bị hại có nghĩa vụ “có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền THTT; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải” (điểm a khoản 4 Điều 62); người làm chứng có nghĩa vụ “có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền THTT. Trường hợp cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải” (điểm a khoản 4 Điều 66).

Như vậy, có thể thấy quy định về nghĩa vụ của các đối tượng bị áp dụng biện pháp áp giải, dẫn giải không thống nhất. Tác giả đồng tình với ý kiến “cần thu hút toàn bộ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân để điều chỉnh

chung trong một chương nhằm bảo đảm tính chặt chẽ và nhất quán trong việc quy định các biện pháp này, đồng thời, tạo điều kiện để các cơ quan chuyên môn thuận tiện áp dụng và nhân dân giám sát”¹. Do vậy, tác giả cho rằng, cần sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2015 theo hướng: Bỏ điểm a khoản 3 Điều 60, điểm a khoản 3 Điều 61, điểm a khoản 4 Điều 62 và điểm a khoản 4 Điều 66 để chuyển sang quy định một cách đầy đủ, cụ thể hơn tại Điều 127.

2. Về biện pháp áp giải đối với bị can, bị cáo

Điểm a khoản 3 Điều 60 và điểm a khoản 3 Điều 61 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định các trường hợp áp dụng biện pháp áp giải đối với bị can, bị cáo. Tuy nhiên, theo điểm k khoản 1 Điều 4 BLTTHS năm 2015, ngoài đối tượng bị áp giải là bị can, bị cáo còn có đối tượng khác là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt và người bị tạm giữ. Đồng thời, khoản 1 Điều 127 BLTTHS năm 2015 cũng chỉ quy định chung: “Áp giải có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội” mà không cụ thể về điều kiện và căn cứ áp dụng biện pháp áp giải đối với từng đối tượng như trường hợp dẫn giải ở khoản 2 của điều này. Từ đó, sẽ dẫn đến sự thiếu thống nhất trong nhận thức và áp dụng.

1. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tư tưởng xuyên suốt trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, sách chuyên khảo “*Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*”, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.44.

Do vậy, theo tác giả, cần sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể về điều kiện và căn cứ áp dụng biện pháp áp giải đối với các đối tượng nêu trên. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 127 BLTTHS năm 2015 theo hướng: “Áp giải có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt theo lệnh giữ người, bắt người và yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền giữ người, bắt người theo quy định của Bộ luật này; người bị tạm giữ theo quy định của Bộ luật này và Luật thi hành tạm giữ, tạm giam; bị can, bị cáo đang tại ngoại không có mặt theo giấy triệu tập mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan từ nơi giam, giữ đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án”.

3. Quy định về biện pháp dẫn giải đối với người bị hại, người làm chứng

3.1. Đối với người bị hại

Theo điểm b khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015, dẫn giải có thể áp dụng đối với: “Người bị hại trong trường hợp họ từ chối việc giám định theo quyết định trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền THPT mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan”. Theo điểm 1 khoản 1 Điều 4 BLTTHS năm 2015 thì: “Dẫn giải là việc cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế người làm chứng, người bị tố giác hoặc bị kiến nghị khởi tố đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử hoặc người bị hại từ chối giám định”. Như vậy, các quy định trên cho thấy, dẫn giải chỉ áp dụng đối với

người bị hại trong trường hợp họ từ chối giám định. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 4 Điều 62 BLTTHS năm 2015 quy định về nghĩa vụ của người bị hại: “Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền THPT; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải”. Như vậy, có thể thấy quy định về dẫn giải người bị hại cũng chưa có sự thống nhất với nhau. Do đó, có ý kiến cho rằng², bị hại từ chối tham gia phiên tòa thì cơ quan, người có thẩm quyền THPT có áp dụng biện pháp dẫn giải được hay không? Ngoài ra, thực tiễn xét xử còn cho thấy, trong quá trình giải quyết một số vụ án như lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản,... Tòa án thấy cần thiết phải có mặt người bị hại mà người bị hại lại cố tình không có mặt thì Tòa án không thể dẫn giải họ được. Từ đó, ý kiến này³ đã kiến nghị cần phải sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015 như sau: “Người bị hại trong trường hợp họ từ chối việc giám định theo quyết định trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền THPT hoặc trong trường hợp cần thiết phải có mặt người bị

2. Nguyễn Hữu Đức (2020), *Áp dụng biện pháp dẫn giải đối với bị hại từ chối giám định và từ chối tham gia phiên tòa*, Tạp chí Tòa án điện tử: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/ap-dung-bien-phap-dan-giai-doi-voi-bi-hai-tu-choi-giam-dinh-va-tu-choi-tham-gia-phiien-toa>, truy cập ngày 05/5/2021.

3. Bùi Thế Mạnh (2020), *Khó khăn khi áp dụng quy định dẫn giải người bị hại*, Tạp chí Tòa án điện tử: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/kho-khan-khi-ap-dung-quy-dinh-dan-giai-nguoi-bi-hai>, truy cập ngày 05/5/2021.

hại để làm rõ vụ án mà họ không có mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan”.

Tác giả cho rằng, mặc dù việc “dẫn giải” người bị hại tham gia phiên tòa không được quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 4 và điểm b khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015 nhưng căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 62 BLTTHS năm 2015, thì vẫn có thể dẫn giải người bị hại khi tham gia phiên tòa. Bởi vì, trong BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003, các quy định về áp giải, dẫn giải vẫn còn nằm rải rác, tại các phần nghĩa vụ của các đối tượng bị áp dụng biện pháp áp giải, dẫn giải, thì các cơ quan, người có thẩm quyền THTT vẫn căn cứ vào các quy định đó để ra quyết định áp giải, dẫn giải. Đồng thời, như thế nào được coi là “trường hợp cần thiết” phải có mặt người bị hại để làm rõ vụ án, thì phần lớn phụ thuộc vào năng lực của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thể hiện sự định tính, dễ dẫn đến lạm dụng khi áp dụng.

Ngoài ra, khoản 3 Điều 127 BLTTHS năm 2015 quy định: “Điều tra viên, cấp trưởng của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Kiểm sát viên, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định áp giải, dẫn giải”. Quy định này cho thấy, ngoài cơ quan có thẩm quyền THTT, thì người có thẩm quyền THTT cũng có quyền ra quyết định áp giải, dẫn giải. Tuy nhiên, điểm k và điểm l khoản 1 Điều 4 BLTTHS năm 2015 về khái niệm áp giải, dẫn giải chỉ cho phép “cơ

quan có thẩm quyền” áp dụng áp giải, dẫn giải: “Áp giải là việc cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử”; “Dẫn giải là việc cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế người làm chứng, người bị tố giác hoặc bị kiến nghị khởi tố đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử hoặc người bị hại từ chối giám định”. Như vậy, có thể thấy được sự thiếu thống nhất trong quy định riêng về thẩm quyền áp giải, dẫn giải với quy định chung về khái niệm áp giải, dẫn giải.

Do vậy, cần đảm bảo sự thống nhất giữa quy định chung với quy định riêng về biện pháp áp giải, dẫn giải và tập hợp các biện pháp cưỡng chế về một chương riêng. Theo tác giả, nên bỏ quy định về dẫn giải bị hại tại điểm a khoản 4 Điều 62 BLTTHS năm 2015 (nghĩa vụ của bị hại). Đồng thời, sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 1 Điều 4 BLTTHS năm 2015 về khái niệm áp giải theo hướng: “Áp giải là việc cơ quan, người có thẩm quyền THTT cưỡng chế người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử”; điểm l khoản 1 Điều 4 BLTTHS năm 2015 về khái niệm dẫn giải theo hướng: “Dẫn giải là việc cơ quan, người có thẩm quyền THTT cưỡng chế bị hại, người làm chứng, người bị tố giác hoặc bị kiến nghị khởi tố đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử hoặc người bị hại từ chối giám định”; bổ sung điểm b khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm

2015 theo hướng: “Người bị hại trong trường hợp họ không có mặt theo giấy triệu tập hoặc từ chối việc giám định theo quyết định trưng cầu của cơ quan, người có thẩm quyền THTT mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan”.

3.2. Đối với người làm chứng

Theo điểm a khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015, dẫn giải có thể áp dụng đối với: “Người làm chứng trong trường hợp họ không có mặt theo giấy triệu tập mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan”. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 4 Điều 66 BLTTHS năm 2015 quy định về nghĩa vụ của người làm chứng: “Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền THTT. Trường hợp cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải”. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 293 BLTTHS năm 2015 quy định về sự có mặt của người làm chứng: “Trường hợp người làm chứng được Tòa án triệu tập nhưng cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc xét xử thì Hội đồng xét xử có thể quyết định dẫn giải theo quy định của Bộ luật này”. Như vậy, có thể thấy sự thiếu thống nhất trong quy định về căn cứ áp dụng biện pháp dẫn giải đối với người làm chứng.

Tác giả cho rằng, nên bỏ quy định về dẫn giải người làm chứng tại điểm a khoản 4 Điều 66 BLTTHS năm 2015 (nghĩa vụ của người làm chứng), tập hợp các quy định của biện pháp cưỡng chế về một chương riêng và chỉ nên áp dụng trong trường hợp thật cần thiết đối với người làm chứng. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015 theo hướng: “Người làm chứng trong trường hợp họ không có mặt theo giấy triệu tập mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử”.

4. Về mở rộng đối tượng bị áp dụng biện pháp dẫn giải

Có ý kiến cho rằng⁴, cần đưa người giám định và người chứng kiến là một trong những chủ thể của biện pháp dẫn giải. Bởi vì, trên thực tế, một số vụ án có nghi ngờ về tính chính xác của kết quả giám định hoặc cần giải thích cụ thể, cơ quan có thẩm quyền tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Giám định viên không đến. Ngay cả khi cơ quan có thẩm quyền kiến nghị với cơ quan giám định, nhưng Giám định viên vẫn không có mặt, làm kéo dài thời gian tố tụng. Tương tự, trong một số vụ án, cơ quan có thẩm quyền mặc dù đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng người chứng kiến không có mặt. Hiện nay chưa có biện pháp để giải

4. Ngô Đức Toàn, Hoàng Quốc Khánh (2020), “Một số vướng mắc và kiến nghị áp dụng biện pháp dẫn giải”, tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 03, tr.35.

quyết vấn đề này. Từ đó, có ý kiến⁵ kiến nghị bổ sung vào khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015 như sau: ...“d) Người giám định trong trường hợp họ không có mặt theo giấy triệu tập mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan”.

Thậm chí, có ý kiến cho rằng⁶, cần bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 127 và Điều 296 BLTTHS năm 2015 đối tượng bị dẫn giải là Điều tra viên. Bởi lẽ, dựa trên cơ sở Điều 317 BLTTHS năm 2015 về quyền của Hội đồng xét xử tự mình hoặc theo đề nghị của người tham gia tố tụng yêu cầu Điều tra viên trình bày ý kiến để làm rõ những quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra. Hơn nữa, ý kiến này⁷ còn cho rằng, quy định dẫn giải áp dụng đối với người bị hại nhưng lại không áp dụng đối với những người tham gia tố tụng khác (nguyên đơn dân sự; bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người chứng kiến;...) là chưa đảm bảo công bằng.

Theo tác giả, mỗi chủ thể đều có vai trò riêng và tùy theo sự đánh giá của Hội đồng xét xử, có những trường hợp bắt buộc phải có mặt của họ trong giai đoạn xét xử để vụ án hình sự được giải quyết minh bạch và công khai. Do đó, nếu chỉ

đề xuất mở rộng đối tượng dẫn giải đối với người giám định, Điều tra viên hoặc người chứng kiến là chưa đầy đủ để. Bởi lẽ, ở giai đoạn điều tra, truy tố, không cần thiết phải triệu tập và dẫn giải người giám định và những người tham gia tố tụng khác ngoài những đối tượng áp dụng của biện pháp dẫn giải được BLTTHS năm 2015 quy định, mà chỉ cần kết quả chuyên môn trong công việc của họ. Tuy nhiên, ở giai đoạn xét xử, việc triệu tập và dẫn giải các chủ thể nêu trên là cần thiết để làm sáng tỏ vụ án. Ở Pháp, các lệnh như lệnh triệu tập, áp giải hoặc lệnh bắt có thể được ban hành đối với một người có chứng cứ vững chắc là đã thực hiện tội phạm (người thực hành), cả với người chủ mưu hoặc đồng phạm giúp sức. Thậm chí, các lệnh này có thể được ban hành đối với một người làm chứng trợ giúp (le témoin assisté) hoặc người thuộc diện thẩm tra tư pháp (personne mise en examen)⁸. Quy định về biện pháp áp giải còn được mở rộng hơn trong giai đoạn xét xử khi quy định cho chủ tọa có quyền áp giải bất cứ người nào đến để xét hỏi tại phiên tòa hoặc cung cấp tài liệu cần thiết. Do vậy, theo tác giả, có thể tham khảo kinh nghiệm của BLTTHS Pháp trong việc quy định quyền cho Hội đồng xét xử có thể quyết định triệu tập và dẫn giải bất cứ ai cần thiết cho việc giải quyết vụ án hình sự và hướng dẫn cụ thể một số trường hợp nhất định. □

5. Trần Thị Bích Hà (2020), *Biện pháp cưỡng chế trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.78.

6. Từ Chí Dũng (2018), *Biện pháp dẫn giải theo tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, tr.18 - 19.

7. Từ Chí Dũng (2018), *Biện pháp dẫn giải theo tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, tr.8 - 9.

8. Điều 122 BLTTHS Pháp.